

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11-01-2023

“V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con, cấp dưỡng”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Ông Nguyễn Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 351/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **L**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện S, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện S, tỉnh An Giang.

(Bà L có mặt; ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-6-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:**

Bà và ông T tự tìm hiểu quen nhau và chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh An Giang vào năm 2013. Thời gian đầu bà và ông T chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì

phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ tháng 01-2022 bà và ông T đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 04 con chung tên N, sinh ngày 17-8-2001; K, sinh ngày 13-4-2007; A, sinh ngày 07-5-2018; B, sinh ngày 07-5-2018. Hiện cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét; cháu K, cháu A, cháu B đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu A, cháu B và yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 03 con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Bà và ông T không có nợ chung.

Đối với bị đơn ông T: Ông T đã biết được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện S về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng của bà L, nhưng ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà L.

Tòa án nhân dân huyện S đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập ông T tham gia phiên họp hai lần hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà L có mặt; ông T vắng mặt không có lý do.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, cho bà L ly hôn với ông T, giao 03 con chung tên K, sinh ngày 13-4-2007; A, sinh ngày 07-5-2018; B, sinh ngày 07-5-2018 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông T cấp dưỡng cho 03 con chung theo quy định của pháp luật; buộc bà L, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn là ông T cư trú tại huyện S, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông T là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17-7-2013. Thời gian đầu, bà L, ông T chung sống rất hạnh phúc nhưng đến thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, hôn nhân không có hạnh phúc; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ tháng 01-2022 bà L ông T đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà L, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà L và ông T có 04 con chung tên N, sinh ngày 17-8-2001; K, sinh ngày 13-4-2007; A, sinh ngày 07-5-2018; B, sinh ngày 07-5-2018. Hiện cháu N đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Khi ly hôn, bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu A, cháu B. Xét thấy, từ tháng 01-2022 đến nay cháu K, cháu A, cháu B sống chung với bà L và được bà chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo; để ổn định cuộc sống cho các cháu (trong đó cháu A, cháu B còn nhỏ tuổi) và cũng theo nguyện vọng của cháu K được sống với bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu K, cháu A, cháu B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Bà L yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho 03 con chung theo quy định của pháp luật. Do đó, ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho

con chung mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản là 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng cho mỗi cháu là phù hợp với Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận; thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 11-01-2023 đến khi 03 cháu K, A, B đã thành niên và có khả năng lao động được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[3.4] Về tài sản chung: Không có.

[3.5] Về nợ chung: Bà L trình bày, bà và ông T không có nợ chung.

[4] Về án phí: Bà L, ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH 14 của Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L được ly hôn với ông T.

2. *Về nuôi con chung:* Bà L trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên K, sinh ngày 13-4-2007; A, sinh ngày 07-5-2018; B, sinh ngày 07-5-2018. Hiện bà L đang nuôi 03 con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom 03 con chung mà không ai được cản trở.

3. *Cấp dưỡng cho con:* Buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật cho con chung tên K, sinh ngày 13-4-2007; A, sinh ngày 07-5-2018; B, sinh ngày 07-5-2018 là 750.000 (*bảy trăm năm mươi nghìn*) đồng/tháng/con; thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 11-01-2023 đến khi cháu K, cháu A, cháu B đã thành niên và có khả năng lao động được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Mức cấp dưỡng sẽ được điều chỉnh theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

4. Về án phí:

- Bà L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011253 ngày 21-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh An Giang, xem như bà L đã nộp xong án phí.

- Ông T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- UBND xã P;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Bé Thi